



zhèng wǔ

正午

noun · noon

Example Sentences

Wǒ men zhèng wǔ jiàn miàn

我们正午见面。

We meet at noon.

Zhèng wǔ de tài yáng hěn dú zuì hǎo bié chū mén

正午的太阳很毒，最好别出门。

The sun at noon is very harsh; it's best not to go out.

Tā men zài zhèng wǔ shí fēn dào dá le shān dǐng

他们在正午时分到达了山顶。

They reached the mountaintop at noon.

Trace each character, then write the word on your own.

正	正	正	正	正	正	正	正												
午	午	午	午	午	午	午	午												